

CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN DI CHUYỂN MỘ (ĐỢT 1)

Công trình dự án: Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng (địa phận thị trấn Xuân Hòa)

(Kèm theo Quyết định số 194/ QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND huyện Hà Quảng)

DVT: đồng

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hệ số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
	TT XUÂN HOÀ						5.018.253.093
	Sáng 12/4						
1	BÊ VŨ HỮU - Xuân Lộc					146.440.000	146.440.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	6	18.305.000		109.830.000	
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
	Bổ sung ngày 23/9/2024 (Bê Thị Liên kê khai thiếu 3 mộ đất, đã KT ngày 24/10 chưa phải di dời)						
5	NGUYỄN VĂN KHÁNH - Đôn Chương					54.915.000	54.915.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
6	NÔNG VĂN TUƠNG - Đôn Chương					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
8	BÊ VĂN KHÁNH - Nhà Vạc (3BB)					275.821.131	275.821.131
	* Mộ						
	Bê Văn Khánh						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	8	20.121.257		160.970.056	
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
	Mộ đất chưa sang tiêu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
	* Tài sản, vật kiến trúc						
	Sân mộ: lát bê tông dày 10cm. 20m2	m2	20,0	123.000	1,031	2.536.260	
	Tường gạch chi: 35x1,5x0,11m	m3	5,775	1.962.000	1,031	11.681.797	
	Tường gạch vồ 18x1,5x0,2	m3	5,4	1.265.000	1,031	7.042.761	
	Kiểm tra ngày 23/10/2024						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). Bìa mộ Bê Thị Ứng, gần mộ Bê Thị Liên	cái	1	20.121.257		20.121.257	
8A	BÊ VĂN BÓN - Nhà Vạc (tách từ Bê Văn Khánh)					36.859.000	36.859.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiêu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
	Mộ chưa phân hủy (chôn t9/2023). UBND cấp xã chưa xác nhận, sau khi có xác nhận sẽ hỗ trợ 3tr/mộ	cái	1	3.000.000		-	
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hệ số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
8B	BỂ VẮN THẮNG - Nhà Vạc (Tách từ Bể Vắn Khánh)					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
8C	BỂ VẮN PHONG - Nhà Vạc (Tách từ Bể Vắn Khánh)					54.915.000	54.915.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
8D	BỂ VẮN BÔNG - Nhà Vạc (Tách từ Bể Vắn Khánh)					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
8E	BỂ VẮN TRÌNH - Nhà Vạc (Tách từ Bể Vắn Khánh)					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
8F	BỂ VẮN CHÁNH - Nhà Vạc (Tách từ Bể Vắn Khánh)					55.164.000	55.164.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
	Mộ đất chưa sang tiểu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
8G	BỂ VẮN ĐOÀN - Nhà Vạc (Tách từ Bể Vắn Khánh)					54.915.000	54.915.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
8H	BỂ VẮN HỢP - Nhà Vạc (Tách từ Bể Vắn Khánh)					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
10	BỂ VẮN QUYNH - Nhà Vạc					73.220.000	73.220.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	4	18.305.000		73.220.000	
11	BỂ VẮN QUẢN - Hòa Mục					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
12	HỨA ĐÀM THỌ - Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hệ số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
13	BÊ VĂN PHIÊN - Nhà Vạc					20.121.257	20.121.257
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	20.121.257		20.121.257	
17	LỤC VĂN SƯU - Nhà Vạc (2BB)					36.610.000	36.610.000
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
21	NÔNG HOÀNG HUY - Miền Nam (mộ trên đất bà Canh)					36.610.000	36.610.000
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). 15/10/2024 đã lên phòng TNMT làm việc	cái	2	18.305.000		36.610.000	
26	MÃ THỊ HIỆU - Bản Giàng					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Nhưng Mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
28	MỘ ĐẤT (Cạnh cây sâu sâu to cạnh nhà Dường)					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
29	MỘ ĐẤT (Dưới nhà Dường)					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
	NGÀY 19/3						
53	LÝ VĂN MỖ - Bản Giàng (2BB)					54.915.000	54.915.000
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
54	NÔNG ĐÌNH CHIÊU - Đôn Chương (3BB)					73.220.000	73.220.000
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
	<i>Bổ sung ngày 23/9/2024 (mộ Nông Văn Trăn)</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
55	BÊ HOÀNG HIỀN - Đôn Chương					135.400.028	135.400.028
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	4	20.121.257		80.485.028	

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hê số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
60	DƯƠNG VĂN LAI - Bản Giàng					36.610.000	36.610.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
61	SÂM VĂN THUẬT (Thanh) - Bản Giàng					38.309.067	38.309.067
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
	Bổ sung ngày 07/01/2024 (đã xem ảnh)						
	XÂY HUYẾT (huyệt sâu 1,0 x dài 2,4 x rộng 1,1m) 1. Xây tường 1,02 m3 x 1.199.000 x 1,031 = 1.260.892 đồng 2. Trát tường 5 m2 x 85.000 x 1,031 = 438.175 đồng 3. Sàn đồ bê tông: 0,24 m3 X 3.447.000 x 1,031 = 852.925 đồng Tổng không nắp: 1.699.067 đồng TỔNG CỘNG nếu có cả nắp: 2.551.992 đồng	mộ	1	1.699.067		1.699.067	
72	DƯƠNG VĂN LINH - Bản Giàng					91.525.000	91.525.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
	Kiểm tra ngày 23/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
73	TRIỆU THỊ OANH - Bản Giàng					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
75	BÈ VĂN LỘC - Đôn Chương					128.135.000	128.135.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	7	18.305.000		128.135.000	
78	MỘ Chưa biết tên					91.525.000	91.525.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	5	18.305.000		91.525.000	
84	MỘ chưa biết chủ					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
85	LÝ TRỌNG VIỆT - Bản Giàng					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
	SANG 20/3						
101	NÔNG THỊ MẠY - Bản Giàng					18.554.000	18.554.000
	* Mộ						

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hệ số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
	Mộ đất chưa sang tiêu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (1 năm)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
	Mộ chưa phân hủy. UBND cấp xã chưa xác nhận, sau khi có xác nhận sẽ hỗ trợ 3tr/mộ	cái	1	3.000.000		-	
102	HOÀNG LONG ĐỒ (đã chết 2018, Hoàng Thị Liên) - Bản Giàng					18.554.000	18.554.000
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (1 năm)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
	Mộ chưa phân hủy. UBND cấp xã chưa xác nhận, sau khi có xác nhận sẽ hỗ trợ 3tr/mộ	cái	1	3.000.000		-	
103	LONG VĂN DÀNH - Bản Giàng					39.786.805	39.786.805
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (1 năm)	cái	2	18.554.000		37.108.000	
	Mộ chưa phân hủy. UBND cấp xã chưa xác nhận, sau khi có xác nhận sẽ hỗ trợ 3tr/mộ	cái	1	3.000.000		-	
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	XÂY HUYẾT (huyệt sâu 1,0 x dài 2,4 x rộng 1,1m) 1. Xây tường 1,02 m3 x 1.199.000 x 1,031 = 1.260.892 đồng 2. Trát tường 5 m2 x 85.000 x 1,031 = 438.175 đồng 3. Sàn đồ bê tông: 0,24 m3 X 3.447.000 x 1,031 = 852.925 đồng Tổng không nắp: 1.699.067 đồng TỔNG CỘNG nếu có cả nắp: 2.551.992 đồng	mộ	1	2.551.992		2.551.992	
	Sân mộ: láng bê tông dày 10cm. 1x1m2	m2	1,0	123.000	1,031	126.813	
112	NÔNG THỊ VIÊN - Bản Giàng					20.253.067	20.253.067
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	XÂY HUYẾT (huyệt sâu 1,0 x dài 2,4 x rộng 1,1m) 1. Xây tường 1,02 m3 x 1.199.000 x 1,031 = 1.260.892 đồng 2. Trát tường 5 m2 x 85.000 x 1,031 = 438.175 đồng 3. Sàn đồ bê tông: 0,24 m3 X 3.447.000 x 1,031 = 852.925 đồng Tổng không nắp: 1.699.067 đồng TỔNG CỘNG nếu có cả nắp: 2.551.992 đồng	mộ	1	1.699.067		1.699.067	
127	NÔNG VĂN THIẾT - Bản Giàng					146.440.000	146.440.000
	* <i>Mộ</i>						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	8	18.305.000		146.440.000	
128	DƯƠNG VĂN LINH - Bản Giàng					91.525.000	91.525.000
	* <i>Mộ</i>						

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hệ số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
	Kiểm tra ngày 23/10/2024, dự toán trước ghi mộ gần nhà Thiết						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	5	18.305.000		91.525.000	
128A	DƯƠNG VĂN LỘC - Bản Giàng					36.610.000	36.610.000
	* Mộ						
	Kiểm tra ngày 23/10/2024, dự toán trước ghi mộ gần nhà Thiết						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
129	TÔ VĂN NGHỊ - Bản Giàng					221.333.827	221.333.827
	* Mộ						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). Nhà Nghị	cái	6	20.121.257		120.727.542	
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). Nhà Văn	cái	5	20.121.257		100.606.285	
129A	NÔNG THỊ ĐỢ - Bản Giàng					54.915.000	54.915.000
	* Mộ						
	Phân tách từ Nông Văn Nghị						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
	Kiểm tra ngày 23/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). Trên rừng Nông Đình Phong	cái	1	18.305.000		18.305.000	
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (trên gò đất gần nhà Tô Văn Hải)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
131	BÊ VĂN HÙNG - Bản Giàng					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
132	DƯƠNG THỊ HAI - Bản Giàng (2BB)					128.135.000	128.135.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	7	18.305.000		128.135.000	
	CHIỀU 20/3						
146	TÔ THỊ DÂN (Bê Văn Đàng) - Nhà Vạc (2BB)					146.440.000	146.440.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ) (Lục Văn Hưng)	cái	4	18.305.000		73.220.000	
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ) (Chưa rõ tên)	cái	4	18.305.000		73.220.000	
147	BÊ ĐÌNH HIỀN - Nhà Vạc					73.220.000	73.220.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	4	18.305.000		73.220.000	
158	BÊ VĂN CHÂM - Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hê số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
159	BÊ THANH GIÁM - Nhà Vạc, Xuân Lộc (2BB)					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
171	LỤC VĂN DỰ (TÓN) - Nhà Vạc					335.922.573	335.922.573
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	14	18.305.000		256.270.000	
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (2 cái hộ khác)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
	Mộ xây ốp gạch (13,083tr x 1,031 = 13,488573tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	24.488.573		24.488.573	
	<i>Bổ sung ngày 23/9/2024 báo 1 mộ chôn được 3 năm</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
172	BÊ THỊ TUYẾT - Nhà Vạc					36.610.000	36.610.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
173	MỘ BỘ ĐỘI - Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
174	LÝ VĂN LỘC (LỘC) - Nhà Vạc					73.220.000	73.220.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024, kiểm tra ngày 23/10</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
	Mộ đất chưa sang tiểu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). Gân mộ Bê Thị Ứng	cái	2	18.554.000		37.108.000	
174A	BÊ VĂN THUY - Nhà Vạc					109.830.000	109.830.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024, kiểm tra ngày 23/10</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	5	18.305.000		91.525.000	
174B	HỨA VĂN CỒ - Xuân Đại					100.606.285	100.606.285
	* Mộ						
	<i>Kiểm tra ngày 24/10/2024</i>						

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hệ số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	5	20.121.257		100.606.285	
175	BÊ VĂN THUẬN - Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
176	BÊ THỊ GIỒNG - Nhà Vạc					20.121.257	20.121.257
	* Mộ						
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024 mộ đất thành mộ xây, đã kiểm tra ngày 23/10</i>						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	20.121.257		20.121.257	
177	BÊ VĂN TRẦN - Nhà Vạc					24.488.573	24.488.573
	* Mộ						
	Mộ xây ốp gạch (13,083tr x 1,031 = 13,488573tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	24.488.573		24.488.573	
178	BÊ NÔNG VỸ- Nhà Vạc					56.731.257	56.731.257
	* Mộ						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	20.121.257		20.121.257	
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
179	HỨA VĂN THỌ - Nhà Vạc					41.713.984	41.713.984
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024 (ý kiến xây âm)</i>						
	XÂY HUYỆT (huyệt sâu 1,0 x dài 2,4 x rộng 1,1m) 1. Xây tường 1,02 m3 x 1.199.000 x 1,031 = 1.260.892 đồng 2. Trát tường 5 m2 x 85.000 x 1,031 = 438.175 đồng 3. Sàn đồ bê tông: 0,24 m3 X 3.447.000 x 1,031 = 852.925 đồng Tổng không nắp: 1.699.067 đồng TỔNG CỘNG nếu có cả nắp: 2.551.992 đồng	mộ	2	2.551.992		5.103.984	
180	BÊ ĐỨC CHÍNH - Nhà Vạc					99.039.028	99.039.028
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024 (ý kiến 4 mộ đất thành 4 mộ xây trát vôi ve), đã kiểm tra ngày 23/10</i>						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	4	20.121.257		80.485.028	
	CHIỀU 21/3						
187	SỸ VĂN QUÝ (+Sâm Văn Huy) - Nhà Vạc					109.830.000	109.830.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	6	18.305.000		109.830.000	

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khởi	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hệ số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
204	BÊ ĐỨC THUẬN (Bê Văn Thuận) - Đôn Chương (2BB)					109.830.000	109.830.000
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (3 cái trong dòng họ)	cái	6	18.305.000		109.830.000	
205	BÊ VĂN DUY - Đôn Chương					56.731.257	56.731.257
	* Mộ						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	20.121.257		20.121.257	
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
	<i>Bổ sung ngày 27/11/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). Mộ gần rừng thông Nông Văn Đại	cái	1	18.305.000		18.305.000	
7	TRIỆU VĂN CHÁU - Xuân Vinh (tạm thời chưa tính dự toán do điều chỉnh quy hoạch đường)					-	-
	* Mộ						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	20.121.257		-	
21A	NGUYỄN VĂN LAN - Xuân Vinh (tạm thời chưa tính dự toán do điều chỉnh quy hoạch đường)					-	-
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		-	
30	TRIỆU THỊ NGUYỆT - Xuân Vinh (tạm thời chưa tính dự toán do điều chỉnh quy hoạch đường)					-	-
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.554.000		-	
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024 (ý kiến mộ đổ nắp và chưa phân hủy), Kiểm tra ngày 24/10</i>						
	XÂY HUYỆT (huyệt sâu 1,0 x dài 2,4 x rộng 1,1m) 1. Xây tường 1,02 m3 x 1.199.000 x 1,031 = 1.260.892 đồng 2. Trát tường 5 m2 x 85.000 x 1,031 = 438.175 đồng 3. Sàn đổ bê tông: 0,24 m3 X 3.447.000 x 1,031 = 852.925 đồng Tổng không nắp: 1.699.067 đồng TỔNG CỘNG nếu có cả nắp: 2.551.992 đồng	mộ	1	2.551.992		-	
	Mộ chưa phân hủy (chưa có xác nhận). UBND cấp xã chưa xác nhận, sau khi có xác nhận sẽ hỗ trợ 3tr/mộ	cái	1	3.000.000		-	
35	BÊ VĂN TỐT - Xuân Vinh (tạm thời chưa tính dự toán do điều chỉnh quy hoạch đường)					-	-
	* Mộ						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		-	

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hệ số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
	<i>ý kiến ngày 23/9/2024. Đã KT ngày 24/10</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		-	
BS1	BÊ VĂN DƯỠNG (mộ trên rừng thông Nông Văn Đại) - Nhà Vạc					73.220.000	73.220.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024, kiểm tra ngày 23/10</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	4	18.305.000		73.220.000	
BS2	DƯƠNG VĂN LỘC					36.610.000	36.610.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Bổ sung ngày 23/9/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
BS3	NÔNG VĂN THOÒNG - Bản Giàng (mộ Gần nhà Thiệt)					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024, kiểm tra ngày 23/10</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS4	NÔNG ĐÌNH LỢI - Đôn Chương					41.280.958	41.280.958
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Ý kiến ngày 23/9/2024, kiểm tra ngày 24/10</i>						
	Mộ xây trát vôi ve (8,847tr x 1,031 = 9,121257tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Đồn Pò)	cái	2	20.121.257		40.242.514	
	Sân mộ: lát bê tông dày 10cm. 1x1m2	m2	2,3	123.000	1,031	296.742	
	Kè mộ gạch vồ 4x1x0,15m	m3	0,6	1.199.000	1,031	741.701	
BS5	BÊ THỊ VIỆT					91.525.000	91.525.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Trên rừng Nông Ngọc La)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
BS6	BÊ THỊ LIÊN - Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS7	BÊ VĂN BÔNG - Nhà Vạc					54.915.000	54.915.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Gần nhà Bể Văn Đẻ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
BS8	LÂM THỊ VAN - Bản Giàng, mộ ở Nhà Vạc					54.915.000	54.915.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hê số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	3	18.305.000		54.915.000	
BS9	HOÀNG THỊ LIÊN - Bản Giàng, mộ ở Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS10	LỤC VĂN CHUYỀN - Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Gần mộ Bê Thị Liên)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS11	TRƯỜNG THỊ MIỀN - Bản Giàng, mộ ở đất bà Canh, Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS12	NÔNG THỊ ĐỖ - Bản Giàng					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Trên đất bà Canh)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS13	BÊ VĂN TUYẾN - Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Bổ sung ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS14	NGUYỄN THỊ LUYẾN - Nhà Vạc					55.164.000	55.164.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
	Mộ đất chưa sang tiểu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
BS15	NÔNG THỊ TIỆP - Nhà Vạc					36.859.000	36.859.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
	Mộ đất chưa sang tiểu DƯỚI 5 năm (7,554tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.554.000		18.554.000	
BS16	BÊ VĂN KHIẾU - Nhà Vạc					36.610.000	36.610.000
	* <i>Mộ</i>						
	<i>Kiểm tra ngày 23/10/2024</i>						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hê số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
BS17	BÊ THỊ GIẢNG - Nhà Vạc					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Kiểm tra ngày 23/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS18	BÊ ÍCH CAO - Bàn Giàng					36.610.000	36.610.000
	* Mộ						
	Kiểm tra ngày 23/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
	Kiểm tra ngày 02/12/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS19	BÊ ÍCH NGHIỆP - Bàn Giàng					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Kiểm tra ngày 23/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS20	NÔNG VĂN HƯNG - Đôn Chương					54.915.000	54.915.000
	* Mộ						
	Kiểm tra ngày 24/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Đồn Pò, trên đất Nông Văn Bào)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Mộ tổ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
BS21	NÔNG VĂN ĐÔNG - Đôn Chương					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Kiểm tra ngày 24/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Đồn Pò, trên đất Nông Văn Bào, gần mộ nhà Nông Văn Hưng)	cái	1	18.305.000		18.305.000	
BS22	NÔNG VĂN NINH (Thuận, Tuấn...) - Đôn Chương					128.135.000	128.135.000
	* Mộ						
	Kiểm tra ngày 24/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ). (Đồn Pò, trên đất Nông Văn Bào, phía trên mộ nhà Nông Văn Hưng)	cái	7	18.305.000		128.135.000	
BS23	HỨA VĂN THÀNH - Xuân Đại					120.978.739	120.978.739
	* Mộ						
	Kiểm tra ngày 24/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiểu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	4	18.305.000		73.220.000	
	Mộ đất ĐÁ SANG TIỂU trên 5 năm (tạm tính tương đương mộ chưa sang tiểu do bảng giá không có. 7,305tr x 1,031 = 7,531455tr) + Hỗ trợ tự lo đất (5tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (3tr/mộ)	cái	2	18.305.000		36.610.000	
	Sân mộ: lát bê tông dày 10cm. 10x1,5m	m2	15,0	123.000	1,031	1.902.195	
	Kè mộ gạch vồ 11x1,7x0,4m	m3	7,5	1.199.000	1,031	9.246.544	

STT	Họ và tên - Loại tài sản	Đơn vị tính	Khối	Đơn giá	Hệ số khu vực thị trấn, quy hoạch chi tiết, hệ số	Mộ	Tổng cộng
			Loại TS khác - DT hỗ trợ đất				
BS24	NÔNG VĂN CẨM - Xuân Vinh					18.305.000	18.305.000
	* Mộ						
	Kiểm tra ngày 24/10/2024						
	Mộ đất chưa sang tiêu trên 5 năm (7,305tr) + Hỗ trợ tự lo đất (7tr/mộ) + Di chuyển mộ trong tỉnh (4tr/mộ)	cái	1	18.305.000		18.305.000	